TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2026/QĐST-HNGĐ	*Đồng Nai, ngày 05 tháng 01 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 633/2025/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Chị G, sinh năm 1990.

Số căn cước công dân: 075190017566.

Nơi đăng ký thường trú: Ấp 2, xã T, tỉnh Đồng Nai.

- **Bị đơn**: Ông N, sinh năm 1988.

Số căn cước công dân: 075088009671.

Nơi đăng ký thường trú: Ấp D, xã P, tỉnh Đồng Nai.

Chổ ở hiện nay: Tổ 8, ấp Bến Ngự, xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 12 năm 2025;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 12 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị G và anh N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị G và anh N thuận tình ly hôn.

Về con chung: Giao các con chung H, sinh ngày 20/9/2012 và K, sinh ngày 18/01/2021 cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng. Anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 7.000.000 đồng cho 02 cháu (mỗi cháu là 3.500.000 đồng).

Kể từ ngày chị G có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh N không thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, chị G và anh N vẫn phải có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Anh N có quyền thăm nom con, không ai được cản trở thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị G tự nguyện chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm hòa giải thành là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) và 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005233 ngày 24 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Chị G đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 2 – Đồng Nai;
- Cơ quan THA dân sự;
- UBND xã P (Số: 68/2011 thuộc xã D cũ);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

THẨM PHÁN

Võ Quốc Hoàn